

Bản án số: 196/2023/DS-ST
Ngày 25 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa của chị Phạm Thị T, thể hiện:*

Ông Phạm Thanh B và bà Trần Thị N tham gia 01 chung trong dây hụi do chị T mở vào ngày 10/8/2020 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng, gồm 30 chung; ngày 10/9/2020 âm lịch ông B, bà N bỏ 630.000 đồng và hót được số tiền 39.060.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.300.000 đồng) và đến thời điểm nay dây hụi đã mãn. Sau khi hót hụi, ông B, bà N đóng hụi không đầy đủ và còn

thiếu lại 26.500.000 đồng; do vậy, chị T yêu cầu ông B, bà N trả lại số tiền hội còn thiếu nêu trên.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Trần Thị N, thể hiện:* Bà và ông B có tham gia đây hội nêu trên do chị T làm đầu thảo, sau khi hốt do đóng không đầy đủ cho chị T và còn thiếu lại số tiền 26.500.000 đồng; do vậy, bà đồng ý cùng ông B trả cho chị T số tiền trên.

** Đối với ông Phạm Thanh B:* Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông B không có ý kiến gì về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Thanh B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo danh sách hội và lời trình bày tại phiên tòa của chị Phạm Thị T phù hợp với xác nhận của bà Nguyễn Thị Nga, bà Phạm Thị Minh, bà Lê Thị Lem và lời trình bày của bà Trần Thị N, thể hiện: Ông Phạm Thanh B và bà N có tham gia đây hội do chị T mở vào ngày 10/8/2020 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng; sau khi hốt hội, ông B, bà N đóng không đầy đủ và còn thiếu lại 26.500.000 đồng; ông B không có ý kiến phản đối về những nội dung nêu trên nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do đó có căn cứ xác định, ông B, bà N còn thiếu chị T tổng số tiền hội là 26.500.000 đồng nên chị T khởi kiện yêu cầu ông B, bà N trả lại số tiền còn thiếu là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12, 14 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N được miễn (thuộc đối tượng là con Liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí); ông B phải chịu là 331.250 đồng (26.500.000 đồng x 5% x 50%) (có đơn xin giảm án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; các điều 12, 14 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Buộc ông Phạm Thanh B, bà Trần Thị N trả cho chị T tổng số tiền là 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng ông B, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ cho bà Trần Thị N.
- Ông Phạm Thanh B phải chịu 331.250 đồng (ba trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) (chưa nộp).
- Chị T không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 332.000 đồng (ba trăm ba mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0014419 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn